TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 27 - 3 - 2024.

Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1976;

Địa chỉ: D, Ô, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

* Bị đơn: Nguyễn Văn S – sinh năm 1972;

Địa chỉ: B, Ô, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn S tự nguyện cưới nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/11/1994. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh

S thường đánh đập và đe dọa giết chị, nhưng vẫn duy trì hôn nhân đến năm 2014 thì anh chị thật sự ly thân luôn với nhau cho đến nay. Tháng 7/2023 chị T có nộp đơn xin ly hôn anh S, đến tháng 9/2023 chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng đến nay không thể hàn gắn lại được. Nay thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, nên chị T xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Văn M – sinh ngày 04/7/1995 và Nguyễn Thị Ngọc T1 – sinh ngày 07/6/2012, hiện các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu T1, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu M đã trưởng thành, lao động bình thường, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn S mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 – sinh ngày 07/6/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng cháu Nguyễn Văn M – sinh ngày 04/7/1995 đã trưởng thành, lao động bình thường, chị không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh S, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 09/11/1994, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn anh S với lý do bất đồng quan điểm sống, anh S thường đánh đập và đe dọa giết chị, từ năm 2014 thì anh chị thật sự ly thân luôn với nhau cho đến nay. Tháng 7/2023 chị T có nộp đơn xin ly hôn anh S, đến tháng 9/2023 chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng không thực hiện được. Tòa án đã triệu tập anh S nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng anh S vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho thấy anh S không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn M – sinh ngày 04/7/1995 và Nguyễn Thị Ngọc T1 – sinh ngày 07/6/2012, hiện các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu T1 hiện đang sống chung với chị T, nên cần ổn định cuộc sống cho cháu, mặt khác chị T cũng có điều kiện chăm lo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần cho cháu phát triển và đây cũng là nguyện vọng của cháu T1. Anh S không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét cần giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu T1 là hoàn toàn tự nguyện, nên ghi nhận.

Riêng cháu M đã trưởng thành, lao động bình thường, chị không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Ngọc T**. Cụ thể:

1. Cho chị **Nguyễn Ngọc T** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn S**.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1 – sinh ngày 07/6/2012 cho đến khi trưởng thành. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007116 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Minh Quân